

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ – ST
Ngày 16 - 6- 2020
“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VINH PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Chinh
Ông Đoàn Văn Đoan.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thúy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Lạc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Xuân- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Lạc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2020 về ly hôn, con chung; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Thu T, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Tổ 1, thôn H, xã S, huyện D, tỉnh Khánh Hòa, “có mặt”

Bị đơn: Anh Đặng Xuân V, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 12 năm 2019 và những lời khai trong quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ngô Thị Thu T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đặng Xuân V trước khi kết hôn chung sống cùng nhau như vợ chồng, đến ngày 22/8/2014 hai bên đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống thời gian đầu hòa thuận, thời gian sau thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, hai vợ chồng sống ly thân

từ năm 2016 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh V nên chị tha thiết xin ly hôn anh V.

Về nuôi con chung: Do trước khi kết hôn chị và anh V sống cùng nhau như vợ chồng nên đến ngày 12/01/2015, chị sinh cháu Đặng Đức T, chị khẳng định cháu T là con chung của chị và anh V. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân cháu T ở cùng anh V; ly hôn chị nhất trí để anh V tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu T.

Về tài sản: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Đặng Xuân V: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã gửi, tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu giấy tờ kèm theo đồng thời triệu tập anh V rất nhiều lần; thậm chí để vụ án được giải quyết một cách đầy đủ, toàn diện, khách quan và đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự Tòa án đã gửi công văn nêu rõ nội dung vụ án để anh V đến Tòa trực tiếp trình bày ý kiến của mình về từng vấn đề, nội dung cụ thể theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là chị T. Anh V không trực tiếp đến Tòa án làm việc nhưng đã gửi văn bản nêu rõ quan điểm của mình về nội dung khởi kiện của chị T, cụ thể: Về hôn nhân: Không nhất trí ly hôn nhưng nếu chị T cương quyết xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật; về con chung: Vợ chồng anh có một con chung là cháu Đặng Đức T, sinh ngày 12/01/2015, hiện nay cháu T đang ở cùng anh nếu ly hôn anh xin được nuôi cháu T và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh; về tài sản: Anh không đề nghị gì.

Ngày 27 tháng 3 năm 2020, Tòa án tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Y cho biết: Chị Ngô Thị Thu T và anh Đặng Xuân V có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 22 tháng 8 năm 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chị T, anh V chung sống cùng gia đình anh V đến khoảng đầu năm 2015, vợ chồng anh chị đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về địa phương nên nguyên nhân vợ chồng anh chị mâu thuẫn cụ thể thế nào địa phương không nắm rõ được.

Qua việc giao, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh V được biết hiện tại anh V đang đi làm ăn thỉnh thoảng mới về nhà nên anh V không trực tiếp nhận văn bản mà người nhà anh V là ông Đặng Xuân B là bố đẻ anh V nhận thay. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của ông B, ông B khẳng định đã giao và thông báo cho anh V biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án theo đơn khởi kiện của chị T. Về con chung: Vợ chồng anh chị có một con chung là cháu Đặng Đức T, sinh ngày 12/01/2015 hiện nay cháu T đang ở cùng anh V và gia đình ông, anh V chị T ly hôn ông đề nghị giao cháu T cho anh V nuôi dưỡng vì chị T không đủ điều kiện nuôi cháu; về tài sản anh chị không có tài sản gì.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng chị T đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.; anh V chưa chấp hành đều đặn vắng mặt trong quá trình tiến hành tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Ngô Thị Thu T và anh Đặng Xuân V được ly hôn; giao cho anh V tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đặng Đức T, sinh ngày 12/01/2015; chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh V, về án phí anh V phải chịu theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Ngô Thị Thu T khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn anh Đặng Xuân V và đề nghị phân chia nuôi con chung, do đó đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn anh Đặng Xuân V đang cư trú tại thôn N, xã H, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, theo qui định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng cố tình vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 27 tháng 3 năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Y và lời khai của chị Ngô Thị Thu T thể hiện chị Ngô Thị Thu T và anh Đặng Xuân V có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Y ngày 22 tháng 8 năm 2014, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh V là hợp pháp. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm, anh V không tu chí làm ăn nên phát sinh mâu thuẫn từ năm 2016. Trong những lần làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa chị T đều khẳng định tình cảm vợ chồng với anh V không còn, việc đoàn tụ là không thể, chị vẫn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V nếu Tòa án không cho chị ly hôn với anh V chị cũng không thể về đoàn tụ với anh V được. Quá trình giải quyết vụ án, anh V đã nhiều lần nhận được giấy triệu tập, công văn của Tòa án nhưng anh V đều không đến Tòa án làm việc, tuy nhiên anh có thể hiện ý kiến bằng văn bản gửi đến Tòa thể hiện không đồng ý ly hôn chị T nhưng nếu chị T cương quyết ly hôn anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Xét, cuộc sống chung giữa chị T và anh V không thể tiếp tục vì anh, chị không còn yêu thương, chăm sóc nhau, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình theo qui định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh V là trầm trọng, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[3] Về nuôi con chung: Chị T và anh V có một con chung là cháu Đặng Đức T, sinh ngày 12 tháng 01 năm 2015. Kể từ khi vợ chồng ly thân đến nay, cháu T vẫn sống cùng anh V. Tại đơn khởi kiện cũng như lời khai ban đầu chị T xin được nuôi cháu T nhưng tại lời khai ngày 31/3/2020 và tại phiên tòa, chị T đồng ý để anh V tiếp tục nuôi dưỡng cháu T. Để tránh sáo trộn cuộc sống của cháu và đây cũng là nguyện vọng xin nuôi con của anh V nên cần giao cháu T cho anh V tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh V. Trong thời gian anh V chăm sóc nuôi dưỡng cháu T mà không đảm bảo được cuộc sống cho cháu thì chị T có quyền làm đơn đề nghị thay đổi về người trực tiếp nuôi con.

[4] Về tài sản: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết, anh V vắng mặt và cũng không đề nghị do đó Tòa án không xét. Sau khi ly hôn, nếu các đương sự có đề nghị về tài sản thì Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo qui định của pháp luật.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc về giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chị Ngô Thị Thu T được ly hôn anh Đặng Xuân V.

Về nuôi con chung: Giao cháu Đặng Đức T, sinh ngày 12 tháng 01 năm 2015 cho anh Đặng Xuân V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. chị Ngô Thị Thu T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh V nhưng có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, gây khó khăn.

Về án phí: Chị Ngô Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0005563 ngày 07 tháng 01

năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc; chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt cũng có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THADS huyện Yên Lạc;
- UBND xã Hồng Châu;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Lan

